

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non,  
phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên năm học 2023-2024  
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh về Dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên năm học 2023-2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, cụ thể như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

Luật Giáo dục ngày 14/6/2019 đã quy định về việc UBND cấp tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua và ban hành Nghị quyết cơ chế thu và quản lý học phí, các khoản thu dịch vụ trong hoạt động giáo dục. Tại điểm b khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục ngày 14/6/2019 quy định: "*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*".

Tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, quy định "*Quản lý nhà nước về giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo... Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung hoặc mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý để áp dụng tại địa phương*".

Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ, tại khoản 1, Điều 4 quy định "*...Việc bố trí ngân sách nhà nước để thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công*

*sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo phân cấp hiện hành của pháp luật về ngân sách nhà nước, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và lộ trình điều chỉnh tính đủ các chi phí hình thành giá dịch vụ theo quy định của cấp có thẩm quyền".*

Vì vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua và ban hành Nghị quyết Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên năm học 2023-2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng tại kỳ họp thứ 15 (Chuyên đề) tháng 9, HĐND tỉnh khóa XVII là cần thiết và đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích**

Nghị quyết ban hành Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên năm học 2023-2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng là căn cứ để các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh thực hiện việc thu học phí, căn cứ hỗ trợ để thực hiện cấp bù miễn, giảm học phí cho học sinh thuộc đối tượng chính sách.

### **2. Quan điểm xây dựng văn bản**

Nội dung của Nghị quyết phải đảm bảo đúng theo nguyên tắc xác định học phí quy định tại khoản 1 Điều 8 của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Nội dung của Nghị quyết phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương đối với từng địa bàn dân cư khu vực thành thị, nông thôn và miền núi, đảm bảo tính hợp lý, tính khả thi, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thi hành và áp dụng trong thực tế.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Quá trình xây dựng Nghị quyết đã đảm bảo đúng, đầy đủ quy trình, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 và các văn bản hướng dẫn về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, cụ thể:

1. Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, thực hiện nhiệm vụ HĐND tỉnh giao, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 2422/UBND-TH ngày 06/9/2023 giao nhiệm vụ xây dựng dự thảo Nghị quyết trình kỳ họp thứ 15 (chuyên đề) của HĐND tỉnh, nhiệm kỳ 2021-2026, trong đó giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết ban hành quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên năm học 2023-2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng theo trình tự, thủ tục rút gọn.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng dự thảo Nghị quyết Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên năm

học 2023-2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giữ nguyên như mức thu tại Nghị quyết số 35/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (Mức thấp nhất của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP).

Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương đối với từng địa bàn dân cư khu vực thành thị, nông thôn và miền núi, đảm bảo tính hợp lý, tính khả thi, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thi hành và áp dụng trong thực tế đối với Nghị quyết. Vì vậy, cơ quan soạn thảo xây dựng dự thảo theo mức học phí cụ thể và chia theo vùng.

Phân vùng địa bàn dân cư: để xác định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn đó, mức thu học phí chia thành 3 vùng:

- Thành thị: Các phường thuộc thành phố Cao Bằng và thị trấn các huyện.
- Nông thôn: Các xã thuộc thành phố Cao Bằng; các xã khu vực II thuộc huyện.
- Miền núi: Các xã còn lại thuộc huyện.

\* Các xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

Mức thu học phí được xây dựng theo nguyên tắc chia sẻ giữa nhà nước và người học, khả năng chi trả của người dân và thực hiện lộ trình điều chỉnh tính đủ các chi phí hình thành giá dịch vụ theo quy định của cấp có thẩm quyền, tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành Công văn số 1683/SGD&ĐT-KH ngày 06/9/2023 về việc xin ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên năm học 2023-2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, gửi các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố, các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Sở.

4. Trên cơ sở ý kiến tham gia góp ý của các sở, ban, ngành và các đơn vị, Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp ý kiến tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết gửi Sở Tư pháp thẩm định.

5. Sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 1434/BCTĐ-STP ngày 14/9/2023, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa hoàn thiện dự thảo Nghị quyết báo cáo UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh.

6. Căn cứ Tờ trình số 94/TTr-SGD&ĐT ngày 15/9/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo và hồ sơ kèm theo, thực hiện quy chế làm việc của UBND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh đã gửi toàn bộ hồ sơ dự thảo Nghị quyết và Phiếu lấy ý kiến đến các thành viên UBND tỉnh để xin ý kiến theo quy định.

## IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

### 1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm 3 Điều và Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên năm học 2023-2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng kèm theo Nghị quyết, cụ thể:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên năm học 2023-2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

### 2. Nội dung cơ bản

#### a) Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên năm học 2023-2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

#### b) Đối tượng áp dụng:

- Trẻ em đang học tại các trường mầm non công lập.
- Học sinh đang học tại các trường phổ thông công lập (*cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông*).
- Học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông.
- Các trường mầm non (*mẫu giáo*), phổ thông công lập (*cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông*); các đơn vị có chức năng giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

c) Mức thu và quản lý, sử dụng học phí tại các trường mầm non, phổ thông công lập.

d) Mức thu học phí đối với học viên học chương trình giáo dục thường xuyên được thu theo mức thu học phí theo chương trình phổ thông trên cùng địa bàn.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên năm học 2023-2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

*Gửi kèm theo Tờ trình này:*

(1) Dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

(2) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và các ý kiến góp ý cho dự thảo Nghị quyết;

(3) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp;

(4) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch, các PCT, các UV UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội, HĐND tỉnh;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- VP UBND tỉnh: LĐVP; TP.TH, CVVX;
- Lưu: VT, VX.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Hoàng Xuân Ánh**

Số: /2023/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày tháng năm 2023

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên năm học 2023 - 2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG  
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ 15 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên năm học 2023 - 2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên năm học 2023 - 2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, Kỳ họp thứ 15 (*Chuyên đề*) thông qua ngày.... tháng... năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**DỰ THẢO**

**QUY ĐỊNH**

**Mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên năm học 2023 - 2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

(Kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên năm học 2023 - 2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

- Trẻ em đang học tại các trường mầm non công lập.
- Học sinh đang học tại các trường phổ thông công lập (cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông).
- Học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông.
- Các trường mầm non (mẫu giáo), phổ thông công lập (cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông); các đơn vị có chức năng giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

**Điều 3. Mức thu và quản lý, sử dụng học phí tại các trường mầm non, phổ thông công lập**

- Mức thu
  - Mức thu học trực tiếp

Đơn vị tính: 1.000 đồng/học sinh/tháng

| STT      | Các trường trên địa bàn                                                                                                                                | Mầm non | Phổ thông |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------|
| <b>I</b> | <b>Thành thị: Các trường trên địa bàn phường thuộc thành phố và thị trấn các huyện</b><br>(không bao gồm các trường trên địa bàn thị trấn khu vực III) |         |           |
| 1        | Các trường mầm non                                                                                                                                     |         |           |
| 1.1      | Trường mầm non 3-10 phường Hợp Giang                                                                                                                   | 347     |           |
| 1.2      | Trường mầm non 1-6 phường Hợp Giang                                                                                                                    | 315     |           |
| 1.3      | Trường mầm non thuộc các phường còn lại trên địa bàn Thành phố và thị trấn các huyện                                                                   | 300     |           |

| STT        | Các trường trên địa bàn                                                                                                                                                                    | Mầm non | Phổ thông |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------|
| 2          | Các trường phổ thông (cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông)                                                                                                                            |         | 300       |
| <b>II</b>  | <b>Nông thôn: Các trường trên địa bàn xã thuộc thành phố, các xã thuộc huyện</b><br>(không bao gồm các xã khu vực III, các thôn, xóm đặc biệt khó khăn thuộc các xã khu vực II, khu vực I) |         |           |
| 1          | Các trường mầm non (đạt chuẩn quốc gia)                                                                                                                                                    | 139     |           |
| 2          | Điểm trường trực thuộc trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn xã thuộc thành phố, các xã thuộc huyện                                                                                       | 100     |           |
| 3          | Các trường mầm non còn lại và các trường phổ thông cấp trung học cơ sở                                                                                                                     | 100     | 100       |
| 4          | Các trường cấp trung học phổ thông                                                                                                                                                         |         | 200       |
| <b>III</b> | <b>Miền núi</b><br>(Bao gồm các trường thuộc xã, thị trấn khu vực III, các thôn, xóm đặc biệt khó khăn trên địa bàn các xã khu vực II, khu vực I)                                          |         |           |
| 1          | Các trường mầm non, các trường phổ thông cấp trung học cơ sở                                                                                                                               | 50      | 50        |
| 2          | Các trường cấp trung học phổ thông                                                                                                                                                         |         | 100       |

(Các xã khu vực III; khu vực II; khu vực I tỉnh Cao Bằng thực hiện theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ; các thôn, xóm đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc).

b) Mức thu học trực tuyến (Online): Áp dụng bằng 80% mức thu như đối với hình thức học trực tiếp.

c) Trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng do cơ quan có thẩm quyền xác nhận thì học phí được thu theo số tháng học thực tế (bao gồm cả thời gian tổ chức dạy học trực tuyến hoặc bố trí thời gian học bù tại trường) nếu không học đủ cả tháng, việc xác định thời gian thu học phí được tính như sau: Trường hợp thời gian dạy học thực tế trong tháng dưới 15 ngày (bao gồm cả số ngày nghỉ theo quy định của pháp luật) thì thực hiện thu học phí 1/2 tháng (tương ứng với mức học phí của từng vùng, từng cấp học và hình thức học thực tế); trường hợp thời gian dạy học thực tế trong tháng từ 15 ngày trở lên (bao gồm cả số ngày nghỉ theo quy định của pháp luật) thì thực hiện thu đủ tháng (tương ứng với mức học phí của từng vùng, từng cấp học và hình thức học thực tế). Đảm bảo nguyên tắc tổng số tháng thu học phí không vượt quá 9 tháng/năm học.

## 2. Quản lý, sử dụng học phí:

Học phí được để lại đơn vị sử dụng 100% sau khi đã trừ đi nguồn cải cách tiền lương theo quy định.

**Điều 4.** Mức thu học phí đối với học viên học chương trình giáo dục thường xuyên được thu như mức thu học phí cấp Trung học phổ thông trên cùng địa bàn.

**Điều 5.** Các nội dung khác không quy định trong Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và các văn bản hướng dẫn thực hiện./.